TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:82/2023/HC-ST
Ngày: 02-6-2023
V/v: Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Văn Công Dần.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thế Hòa và ông Phạm Hữu Dụng.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Ái Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Văn Lai - Kiểm sát viên .

Ngày 02 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 18/2023/TLHC-ST ngày 06/01/2023 về việc "*Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2023/QĐST-HC ngày 26/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2023/QĐST-HC ngày 19/5/2023 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị U - Sinh ngày 04/8/1962; Địa chỉ: Hẻm 267/41 M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Người bị kiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: 46 P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk: Ông Mai Văn P - Giám đốc văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hách Xuân V, Chức vụ: Chủ tịch UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt;

2. Ông Phạm Văn T, bà Đỗ Thị D; Địa chỉ: Hẻm 170/64 M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt;

3. Ngân hàng V, Chi nhánh Đắk Lắk, phòng giao dịch Q; Địa chỉ: 30 Q, Phường L, Thành phố B, Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung C, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Q - Ngân hàng V, Chi nhánh Đắk Lắk, Có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người khởi kiện bà Nguyễn Thị U trình bày:***

Căn cứ vào Quyết định cấp đất ngày 18/10/1991; Quyết định số 478 của UBND tỉnh Đắk Lắk cấp cho kho K864/cục quân khí, diện tích 2557.855m^2 đất trong đó có 379.935m^2 cấp cho gia đình quân nhân để làm nhà ở do đơn vị quản lý.

Tại Quyết định số 470 ngày 13/6/1997 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt quy hoạch đất quốc phòng giao cho kho K864/cục quân khí sử dụng. Như vậy diện tích 379.935m^2 đất do gia đình quân nhân đang sử dụng thuộc quyền quản lý của địa phương.

Năm 1999, tôi mua lô đất diện tích 131,6m^2 của vợ chồng ông Hoàng Danh T1, bà Phan Thị D1 cùng địa chỉ hẻm 170/64 M, phường T, thành phố B. Sau đó tôi cho bạn tôi là vợ chồng ông Nguyễn Như S, bà Nguyễn Thị L mượn tiền vàng để làm nhà ở và nơi giết mổ heo.

Năm 2000 ông S bị ung thư gan, vợ chồng ông, bà thỏa thuận giao lại phần vật liệu (căn nhà) cho tôi để trừ nợ.

Năm 2001, đội thi hành án kê biên khẩn cấp tạm thời căn nhà của tôi để thi hành án cho bà L.

Năm 2003 chấp hành viên Nguyễn Hữu T2 và Bùi Công M thuộc đội thi hành án thành phố B đã khóa cửa nhà trong lúc tôi vắng nhà đề bán toàn bộ khối tài sản gồm nhà và đất, đồ đạc tư trang trong nhà của tôi cho vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Đỗ Thị D giá hơn 15.000.000 đồng.

Năm 2012, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xác nhận việc vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Đỗ Thị D mua tài sản trên là hợp pháp.

Năm 2013, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk công nhận việc mua bán tài sản của tôi giữa vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Đỗ Thị D với chấp hành viên ông Nguyễn Hữu T2, Bùi Công M là hợp pháp.

Trong khi, tại Quyết định giám đốc thẩm số 02/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xác định khối tài sản trên diện tích đất 131,6m^2 tại địa chỉ 170/64 M, phường T, thành phố B là của tôi. Tại Công văn số 95 ngày 12/3/2021 của UBND phường T cũng xác nhận.

Tuy nhiên, Ngày 30/7/2020 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 391630 thửa đất số 76, tờ bản đồ số 26,

diện tích 131.6m^2, địa chỉ: 170/64 M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cho vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Đỗ Thị D là không đúng, bởi vì:

Việc lập hồ sơ ban đầu của UBND phường T, thành phố B để Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Đỗ Thị D là trái pháp luật.

Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết hủy Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 391630, thửa đất số 76, tờ bản đồ số 26, diện tích 131.6m^2, địa chỉ: 170/64 M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp cho ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị D ngày 30/7/2020.

**** Ý kiến trình bày của người bị kiện đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk trình bày:***

Quá trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và biến động đất đai của hộ ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị D, đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 26, diện tích 131,6m^2:

Ngày 31/8/2015, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B (nay là Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố B) nhận được hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu của hộ ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị D, đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 26, diện tích 131,6m^2 đất ở, thửa đất tọa lạc tại phường T, thành phố B. Căn cứ hồ sơ tiếp nhận, được UBND phường T xác nhận có nguồn gốc đất: Năm 1986, Tổng kho 765 cấp cho bà Phan Thị X lô đất để ở. Đến năm 1990, bà Phan Thị X sang nhượng toàn bộ diện tích cho bà Phan Thị D1. Đến năm 1998, bà Phan Thị D1 sang nhượng một phần diện tích đất trống cho bà Nguyễn Thị L và năm 2000, bà Nguyễn Thị L làm nhà ở. Năm 2003, bà Nguyễn Thị L bị Thi hành án. Tài sản trên đất (nhà ở) giao lại cho ông Bùi Văn L1. Đến tháng 10/2004, ông Bùi Văn L1 sang nhượng toàn bộ nhà và đất cho bà Đỗ Thị D, chồng là ông Phạm Văn T sử dụng cho đến nay.

Căn cứ nguồn gốc sử dụng đất trong hồ sơ và các quy định hiện hành, ngày 10/9/2015, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố xử lý và trình Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B theo quy định.

Ngày 16/9/2015, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố có tờ trình số 6057/TTr-TNMT gửi UBND thành phố B.

Ngày 21/9/2015, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5364/QĐ-UBND về việc công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho hộ ông Phạm Văn T.

Ngày 22/9/2015, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố lập phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính với diện tích 131,6m^2 đất ở phải nộp tiền sử dụng đất trong hạn mức đất ở, theo giấy cam kết hạn mức đất ở ngày 29/8/2015 của ông Phạm Văn T, chuyển Chi cục Thuế thành phố B để xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Ngày 25/9/2015, Chi cục Thuế phát hành thông báo nghĩa vụ tài chính cho hộ ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị D. Ngày 07/10/2015, ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị D thực hiện nộp tiền thuế thu nhập cá nhân và tiền lệ phí trước bạ vào ngân sách nhà nước theo giấy nộp tiền số CT 0021265, CT 0021267, đồng thời nộp lại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố kèm theo đơn ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị D, được UBND phường T xác nhận ngày 07/10/2015.

Ngày 20/10/2015, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố xử lý, viết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trình Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B theo quy định. Ngày 26/10/2015, Phòng Tài nguyên và Môi trường xử lý và trình UBND thành phố.

Ngày 29/10/2015, UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 722439 đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 26, diện tích 131,6m^2 đất ở, thửa đất tọa lạc tại phường T và đồng thời có ghi nợ tiền sử dụng đất theo quy định.

Ngày 22/7/2020, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố B tiếp nhận hồ sơ trả nợ tiền sử dụng đất đối với thửa đất trên của hộ ông Phạm Văn T. Căn cứ hồ sơ và quy định hiện hành, ngày 29/7/2020, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố xử lý và trình Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk. Ngày 30/7/2020, Văn phòng Đăng ký đất đai thừa ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 391630 đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 26, diện tích 131,6m^2 đất ở, thửa đất tọa lạc tại phường T cho hộ ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị D.

Ngày 18/01/2022, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố B tiếp nhận hồ sơ đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên của hộ ông Phạm Văn T với Ngân hàng V, Chi nhánh Đắk Lắk, phòng giao dịch Q, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 17/0122/DVN/HĐTC, được Văn phòng Công chứng Đắk Lắk công chứng số 001041 quyển số 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/01/2022. Ngày 19/01/2022, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố B ký xác nhận hồ sơ đăng ký thế chấp cho hộ ông Phạm Văn T theo quy định.

Quan điểm về việc yêu cầu hủy Quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 391630 của người khởi kiện:

Căn cứ Điều 23, Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 2 Nghị định số 79/2019/NĐ-CP ngày 26/10/2019 của Chính phủ, thì việc UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và Sở Tài nguyên và Môi trường cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng do trả nợ tiền sử dụng đất cho hộ ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị D là đúng quy định hiện hành. Do đó, việc bà Nguyễn Thị U đề nghị hủy Quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 391630 đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 26, diện tích 131,6m^2 đất ở, thửa đất tọa lạc tại phường T, thành phố B là không có sở sở. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk căn cứ hồ sơ vụ việc để xem xét, giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND phường T ông Hách Xuân V trình bày:

Căn cứ hồ sơ UBND phường lưu giữ, quản lý và Công văn phúc đáp của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk số 1135/TA - VP ngày 22/11/2022, UBND phường trả lời bà Nguyễn Thị U như sau:

- Căn cứ Bản án số 86/2013/DSPT ngày 07/6/2013 Tòa án nhân dân Tỉnh Đăk Lăk thì TAND tỉnh Đăk Lăk đã xét xử phúc thẩm vụ án dân sự về việc kiện đòi nhà đất, giữa ngU đơn là bà Nguyễn Thị U - Sinh năm 1962 và bị đơn là ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị D, liên quan đến nhà, đất tại số 170/64 M, phường T, Tp. B. Tại Mục Xét thấy của Bản án trên Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk đã khẳng định nguồn gốc quyền sử dụng nhà, đất của ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị D, đồng thời tại phần Quyết định bản án đã nêu rõ "Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 156/2012/DSST ngày 16/11/2012 của TAND TP. BMT; Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U về việc khởi kiện đòi ông Phạm Văn T và bà D phải trả cho bà Nguyễn Thị U căn nhà, đất số 170/64 M, phường T, tp. B, tỉnh Đăk Lăk". Bản án số 86/2013/DSPT ngày 07/6/2013 Tòa án nhân dân Tỉnh Đăk Lăk đã có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, tức ngày 07/6/2013.

- Hiện hộ ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị D đã được cấp GCN QSD đất đối với thửa số 76, tờ bản đồ số 26, diện tích 131,6m^2, hiện tọa lạc tại 170/64 M, phường T theo GCN QSD đất số CU 391630, Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đăk Lăk cấp ngày 30/7/2020.

Căn cứ Công văn số 1135/TA -VP ngày 22/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk: Bản án phúc thẩm số 86/2013/DSPT ngày 07/6/2013 Tòa án nhân dân Tỉnh Đăk Lăk đã có hiệu lực và không bị kháng nghị giám đốc thẩm, do đó căn cứ Điều 17 và Điều 19 Bộ Luật Tố tụng dân sự "*1. Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật phải được thi hành và phải được cơ quan, to chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải nghiêm chỉnh chấp hành....*" UBND phường đề nghị bà Nguyễn Thị U tôn trọng và chấp hành Bản án số 86/2013/DSPT ngày 07/6/2013 Tòa án nhân dân Tỉnh Đăk Lăk. Đề nghị Tòa án căn

cứ các tài liệu chứng cứ của các bên liên quan và kết quả xác minh thực tế để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T, bà Đỗ Thị D trình bày:

Năm 2004 gia đình tôi nhận quyền sở hữu nhà và đất từ ông bà Bùi Văn L1 và bà Nguyễn Thị T3 tại địa chỉ; 133, tổ 2 khối 9, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là người được quyền sở hữu nhà và đất bàn giao từ việc đấu thầu của Đội thi hành án thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 31/7/2003.

Trong suốt thời gian từ năm 2004 đến năm 2012 bà Nguyễn Thị U, địa chỉ tại 162 M, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk luôn làm đơn khởi kiện gia đình tôi đòi lại nhà đất tại địa chỉ nêu trên tuy nhiên đều không được Tòa án chấp nhận.

Năm 2015 gia đình tôi được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở 170/64 M, phường T, thành phố B nhưng do điều kiện kinh tế có hạn gia đình tôi nợ nghĩa vụ tài chính đến năm 2020 gia đình tôi mới thực hiện xong nghĩa vụ tài chính và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 391630 ngày 30/7/2020, thửa đất số 76, tờ bản đồ số 26, diện tích 131.6m^2, địa chỉ: 170/64 M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nay bà U khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 391630, thửa đất số 76, tờ bản đồ số 26, diện tích 131.6m^2, địa chỉ: 170/64 M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp ngày 30/7/2020 cho vợ chồng chúng tôi thì chúng tôi không đồng ý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng V, Chi nhánh Đắk Lắk, phòng giao dịch Q trình bày: Ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị D vay vốn tại Ngân hàng V, Chi nhánh Đắk Lắk- PGD Q theo hợp đồng tín dụng số: 17/0122/DVN/HĐTD ngày 17/01/2022, số tiền vay: 800.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám trăm triệu đồng chẵn); Lãi suất cho vay trong hạn: 8,5%/năm; Lãi suất vay quá hạn là 150% so với lãi suất cho vay trong hạn; Thời hạn vay: 355 ngày; Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh mua bán quần áo; Thời hạn trả gốc: 355 ngày/lần; Thời hạn trả lãi: 03 tháng/lần kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn đầu tiên.

Ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị D thế chấp tài sản là GCN QSDĐ số CU391630 do sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đăk Lăk cấp ngày 30/07/2020 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 17/0122/DVN/HĐTC ngày 17/01/2022, Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số: 17/0122/DVN/HĐTS ngày 17/01/2022 để đảm bảo cho toàn bộ nợ vay cho Ngân hàng. Đến nay khách hàng vẫn đang thế chấp GCN nêu trên và để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ tại ngân hàng.

Nay ý kiến phía Ngân hàng là không đồng ý đơn khởi kiện của bà U về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSDĐ số CU 391630, thửa đất số 76, tờ bản đồ số 26, diện tích 131,6 m^2, Địa chỉ : 170/64 M, P. T, Tp. B Tỉnh Đắk Lắk.

Ngân hàng V, Chi nhánh Đắk Lắk, phòng giao dịch Q đề nghị Tòa án xử theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk không tổ chức đối thoại lại.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên toà:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của đương sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ĐắkLắk đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 LTTHC bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án thấy rằng:

Ngày 30/7/2020 Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 391630, thửa đất số 76, tờ bản đồ số 26, diện tích 131.6m^2, địa chỉ: 170/64 M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cho ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị D. Ngày 12/3/2021 bà U biết được thửa đất trên đã được Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị D. Ngày 7/6/2021 bà U nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên tuy nhiên bà U không cung cấp được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Tòa án yêu cầu bà U sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện. Sau nhiều lần Tòa án yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, ngày 04/12/2022 bà U nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 391630, thửa đất số 76, tờ bản đồ số 26, diện tích 131.6m^2, địa chỉ: 170/64 M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp cho hộ ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị D ngày 30/7/2020 là đối tượng khởi kiện của vụ án, việc khởi kiện trong hạn luật định và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại các Điều 30, 32 và Điều 116 của Luật tố tụng Hành chính.

[1.2] .Về sự có mặt của các đương sự: Toà án đã tiến hành tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho người bị kiện, đại diện uỷ quyền của người bị kiện và những

người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng những người này có đơn xin giải quyết vắng mặt và xin vắng mặt tại phiên toà. Do đó, HĐXX xét xử vắng mặt những người trên theo quy định tại Điều 157, 158 của Luật Tố tụng Hành chính.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về trình tự thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 391630, thửa đất số 76, tờ bản đồ số 26, diện tích 131.6m^2, địa chỉ: 170/64 M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp cho hộ ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị D ngày 30/7/2020:

Ngày 21/9/2015, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5364/QĐ-UBND về việc công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho hộ ông Phạm Văn T.

Ngày 29/10/2015, UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 722439 đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 26, diện tích 131,6m2 đất ở, thửa đất tọa lạc tại phường T và đồng thời có ghi nợ tiền sử dụng đất theo quy định.

Ngày 22/7/2020, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố B tiếp nhận hồ sơ trả nợ tiền sử dụng đất đối với thửa đất trên của hộ ông Phạm Văn T. Căn cứ hồ sơ và quy định hiện hành, ngày 29/7/2020, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố xử lý và trình Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 30/7/2020, Văn phòng Đăng ký đất đai thừa ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 391630 đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 26, diện tích 131,6m^2 đất ở, thửa đất tọa lạc tại phường T cho hộ ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị D.

Căn cứ vào các quy định của Luật đất đai 2013 thì các quyết định hành chính và các văn bản hành chính nêu trên được ban hành đúng trình tự thủ tục và đúng thẩm quyền.

[2.2]. Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị U về việc yêu cầu Hủy Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 391630, thửa đất số 76, tờ bản đồ số 26, diện tích 131.6m^2, địa chỉ: 170/64 M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp cho ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị D ngày 30/7/2020, HĐXX xét thấy:

Về nguồn gốc đất: Năm 1986, Tổng kho 765 cấp cho bà Phan Thị X lô đất để ở. Đến năm 1990, bà Phan Thị X sang nhượng toàn bộ diện tích cho bà Phan Thị D1. Đến năm 1998, bà Phan Thị D1 sang nhượng một phần diện tích đất trống cho bà Nguyễn Thị L và năm 2000, bà Nguyễn Thị L làm nhà ở. Năm 2003, bà Nguyễn Thị L bị Thi hành án. Tài sản trên đất (nhà ở) giao lại cho ông Bùi Văn L1. Đến

tháng 10/2004, ông Bùi Văn L1 sang nhượng toàn bộ nhà và đất cho bà Đỗ Thị D, chồng là ông Phạm Văn T sử dụng cho đến nay. Như vậy, đất có nguồn gốc rõ ràng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 156/2012/DSST ngày 16/11/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định: "*Bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị U về việc kiện đòi ông Phạm Văn T, bà Đỗ Thị D phải trả cho bà U nhà và đất tại địa chỉ: 170/64 M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk*".

Tại Bản án phúc thẩm số 86/2013/DSPT ngày 07/6/2013 Tòa án nhân dân Tỉnh Đắk Lắk đã quyết định: "*Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà U; Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Hoàng Danh T1 và bà Phạm Thị D1; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 156/2012/DSST ngày 16/11/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột*" . Các bản án này đã có hiệu lực pháp luật.

Như vậy, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật ông T và bà D đã đi đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì việc UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và Sở Tài nguyên và Môi trường cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng do đã trả nợ tiền sử dụng đất cho hộ ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị D là đúng quy định hiện hành.

Do đó, việc bà Nguyễn Thị U khởi kiện đề nghị hủy Quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 391630 ngày 30/7/2020 đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 26, diện tích 131,6m^2 đất ở, thửa đất tọa lạc tại phường T, thành phố B do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp cho ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị D là không có sở sở để chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị U phải chịu án phí Hành chính sơ thẩm tuy nhiên bà U thuộc trường hợp được miễn án phí hành chính sơ thẩm nên bà U không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1,2 Điều 3; Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 206, Luật Tố tụng hành chính 2015;

Căn cứ Luật đất đai năm 2003; Căn cứ Điều 23, Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 2 Nghị định số 79/2019/NĐ-CP ngày 26/10/2019 của Chính phủ;

Áp dụng khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Tuyên xử:

Không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị U đối với yêu cầu Hủy Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số CU 391630, thửa đất số 76, tờ bản đồ số 26, diện tích 131,6m^2, địa chỉ: 170/64 M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk do Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp cho hộ ông Phạm Văn T và bà Đỗ Thị D ngày 30/7/2020.

[3]. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hành chính sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị U.

[4]. Báo quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án Hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tU án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án Hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TANDCC Đà Nẵng;*
- *VKSNDCC Đà Nẵng;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Văn Công Dần